

b) Dự án phải đăng ký đầu tư:

Dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

c) Dự án phải thẩm tra đầu tư:

- Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên;
- Dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (không quy định vốn).

3. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đầu tư:

3.1. Đối với dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện:

3.1.1. Dự án đầu tư trong nước có quy mô dưới 300 tỷ đồng Việt Nam:

3.1.1.1. Cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp:

- a) Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3);
- b) Bản điều lệ công ty (đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV, công ty TNHH 1TV (cá nhân, tổ chức), công ty hợp danh) (theo Mẫu điều lệ);
- c) Danh sách thành viên đối với công ty TNHH 2 thành viên trở lên (theo Mẫu Phụ lục II-1); danh sách cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần (theo Mẫu Phụ lục II-2), công ty hợp danh (theo Mẫu Phụ lục II-3);
- d) Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp;
- e) Văn bản ủy quyền kèm theo bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật;
- f) Văn bản xác nhận vốn pháp định (ngành, nghề phải có vốn pháp định);
- g) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề (ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề);
- h) Đối với thành viên (cổ đông) sáng lập là pháp nhân phải có thêm: bản sao Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác; bản sao điều lệ công ty hoặc tài liệu tương đương khác; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên sáng lập;
- i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có);
- j) Hợp đồng thuê đất ký với chủ đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp;